

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoà Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2025/TLST - HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn 4, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn 4, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 18/6/2012.

Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông H không quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà C làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H và có nguyện vọng là xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 01/9/2018. Hiện nay, các cháu đang sinh sống cùng với bà C, cháu H và cháu U có nguyện vọng được sinh sống cùng bà C. Nguyên vọng của bà C sau khi ly hôn là được nuôi dưỡng cháu H và cháu U cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hiện nay, bà C đang làm nghề buôn bán, bình quân thu nhập mỗi tháng là 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, nên bà C đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H và cháu U cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà C sau khi một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 18/6/2012.

Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, ông H không đồng ý ly hôn với bà C vì ông H là người công giáo, không được phép ly hôn, ông H không muốn các con rơi vào hoàn cảnh không cha hoặc không mẹ.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 01/9/2018. Hiện nay, các cháu đang sinh sống cùng với bà C. Do không đồng ý ly hôn nên ông H cũng không đồng ý giao con cho bà C nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Trúc C được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 01/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Trúc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc C không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã E. Quá trình tham gia tố tụng bà C, ông H đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Quá trình sinh sống tại địa phương ông H và bà C có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, bà C và ông H không báo chính quyền địa phương nên không rõ nguyên nhân.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện và cho bà C được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà C và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 01/9/2018. Hiện tại, các cháu đang sinh sống với bà C và nguyện vọng của

bà C là được nuôi dưỡng các cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, bà C đang làm nghề buôn bán, lương mỗi tháng là 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Xét thấy, nguyện vọng của bà C là chính đáng, tránh sự xáo trộn cuộc sống và để đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, cháu H và cháu U đều có nguyện vọng được sinh sống cùng với bà C. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con chung cho bà C nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Minh H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Nguyễn Minh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc C không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc C không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc C phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Trúc C được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày 01/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Trúc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Minh H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Nguyễn Minh H không được lạm

dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc C không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc C không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004790 ngày 24/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 - Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Huyền Trang